

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Giáo sư
Mã hồ sơ:.....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật và Quản lý Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Kim Cúc

2. Ngày tháng năm sinh: 29/07/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Liên Bảo, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

Phòng 401 Nhà E13, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Hóa và Môi trường, Trường

Đại học Thủy lợi, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904553120;

E-mail: nguyencuc@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 07,1998 đến tháng, năm 12,2008: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phụ trách bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024)38522201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 26 tháng 06 năm 1998, số văn bằng: 104215, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh thái học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 20 tháng 02 năm 2023, số văn bằng: A004508, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh thái học

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 30 tháng 09 năm 2004, số văn bằng: A-1, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Sinh thái học

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Ehime, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS [5] ngày 25 tháng 09 năm 2007, số văn bằng: A-602, ngành: Sinh thái, chuyên ngành: Sinh thái lâm nghiệp

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Ehime, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 20 tháng 01 năm 2015, ngành: Thủy lợi

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu hệ sinh thái rừng ngập mặn:

- Nghiên cứu và đánh giá các chức năng và dịch vụ của hệ sinh thái rừng ngập mặn với môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của con người;
- Nghiên cứu, xây dựng các kỹ thuật trồng, phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội;

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) trong đời sống xã hội.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Nhà nước; 5 cấp Bộ; 2 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 10, trong đó 10 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016
2	Giải thưởng cho nhà khoa học trẻ	UNESCO MAB	2006

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian vừa qua với cương vị là một giảng viên tôi thấy mình đáp ứng đầy đủ các **tiêu chuẩn của Nhà giáo theo quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14)**, đó là:

a) Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt: Luôn sống và làm việc theo chủ trương, chính sách của Đảng, đường lối của Nhà nước và các quy định của Pháp luật;

b) Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm: Đã được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt; đam mê và tâm huyết với công tác nghiên cứu và sự nghiệp giáo dục đào tạo;

c) Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Tôi luôn có ý thức tu dưỡng, phấn đấu, trau dồi chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ;

d) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

Tôi đã và đang thực hiện tốt tất cả các nhiệm vụ của Nhà giáo quy định tại Điều 69 Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14), cụ thể là:

- a) Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
- b) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ Nhà trường, quy tắc ứng xử của Nhà giáo;
- c) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của Nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- d) Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 6 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2020-2021					286		286/324/289
5	2021-2022	1				304	5	304/291/280
6	2022-2023				1	372	15	372/377/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Tiếng Nhật

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Nhật Bản năm 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Thủy lợi

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Khương Thị Hải Yến	X			X	10/2012 đến 10/2015	Trường Đại học Thủy lợi	15/03/2017
2	Hà Thị Hiền	X		X		06/2016 đến 06/2019	Trường Đại học Thủy lợi	06/06/2019
3	Trần Thị Mai Sen	X		X		08/2017 đến 05/2021	Trường Đại học Lâm nghiệp	18/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	----------------	----------------------------------

						(từ trang ... đến trang)	bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên (Natural resource conservation)	GT	Nhà Xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2010, năm 2010	7	VC		519/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023
2	Sách tranh về rừng ngập mặn	TK	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu Đại học Sư phạm Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 160/QĐ-CXB, cấp ngày 1 tháng 8 năm 2002, năm 2002	4	VC		
3	Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới phát triển bền vững - Tuyển tập Hội thảo Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh, năm 2007	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp. Mã số xuất bản: 61-630/NN-2008-515/21-08, năm 2008	3	CB		

4	Đất ngập nước và biến đổi khí hậu - Kỹ yếu Hội thảo Quốc gia, 2011	TK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Quyết định xuất bản số 248/QĐXB-NXBKHKT ngày 19/12/2011, năm 2011	7	VC		
5	Nâng cao sức chống chịu trước biến đổi khí hậu - Kỹ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, năm 2013	TK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Quyết định xuất bản số 165/QĐXB-NXBKHKT ngày 22/8/2013, năm 2013	10	VC		
Sau khi được công nhận PGS/TS							
6	Mangrove forest restoration in northern Vietnam. (SÁCH: Enhancing food security through forest landscape restoration: Lessons from Bukina Faso, Brazil, Guatemala, Vietnam, Ghana, Ethiopia and Philippines)	CK	IUCN, năm 2015	1	MM	(106-121)	
7	Chapter 8. Governance of mangrove ecosystems in Northern Vietnam with consideration of impacts of	CK	Elsevier, năm 2021	3	VC	(99-133)	

	sea level rise and climate change: A dynamic approach. SÁCH: Natural Resource Governance in Asia: From Collective Action to Resilience Thinking						
8	Blue Carbon trong rừng ngập mặn vùng cửa sông Hồng, Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2022	2	CB		519/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023
9	Hệ sinh thái rừng ngập mặn trồng ven biển miền Bắc Việt Nam: Chức năng và dịch vụ.	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2022	1	CB		519/GXN-ĐHTL ngày 23/6/2023
10	Môi trường và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu - Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ III, Hà Nội 2015	TK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, năm 2015	10	VC		

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 2 ([8] [9])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
----	--	-----------	----------------------	---------------------	---

Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Nghiên cứu giải pháp thủy lợi cải tạo phục hồi và bảo vệ vùng đất có vấn đề, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội dải ven biển đồng bằng Bắc bộ	PCN	ĐTDL 2008G/27, cấp Nhà nước	15/7/2008 đến 09/10/2012	27/12/2012, Khá
2	Nghiên cứu đề xuất phương án quy hoạch, phát triển rừng ngập mặn nhằm tăng cường khả năng bảo vệ đê biển Thái Bình dưới tác động của nước biển dâng do biến đổi khí hậu	PCN	33/HĐNCKH-PTCN, cấp Bộ	30/5/2013 đến 31/12/2014	31/12/2014, Hoàn thành mục tiêu
3	Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thủy sản cấp Quốc gia vùng cửa sông Hồng đến năm 2020	PCN	44/HĐ-KTBVNL, cấp Bộ	16/4/2009 đến 28/10/2011	15/3/2011, Hoàn thành
4	Nghiên cứu tác động của mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái rừng ngập mặn và cộng đồng dân cư vùng ven biển đồng bằng sông Hồng	PCN	354/HĐ-KHCN, cấp Bộ	30/5/2010 đến 04/01/2013	04/01/2013, Khá
5	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ che sáng đến sinh trưởng của cây Bần không cánh (<i>Sonneratia apelata</i>) ở giai đoạn gieo ươm	CN	QMT.08.08, cấp Cơ sở	01/4/2008 đến 30/3/2009	29/4/2009
6	Nghiên cứu và so sánh khả năng hấp thụ năng lượng sóng của rừng ngập mặn trồng tại Nam Định và Thái Bình	CN	QMT.10.01, cấp Cơ sở	09/8/2010 đến 30/11/2011	15/12/2011, Khá
Sau khi được công nhận PGS/TS					
7	Nghiên cứu tác động của các hoạt động phát triển đến dòng chảy và môi trường sinh thái vùng hạ du sông Mã, đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi và đảm bảo an toàn hạ du	PCN	ĐTDL.CN 57/15, cấp Nhà nước	10/12/2015 đến 28/3/2019	10/7/2019, Khá

8	Nghiên cứu ứng dụng phức hệ nano-biofilm từ vi sinh vật và vi tảo để xử lý nước thải giàu hữu cơ dễ hòa tan và kim loại nặng: thí điểm với chất lượng nước trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải	CN	03/HĐ-KHCN, cấp Bộ	05/01/2021 đến 05/12/2022	04/8/2022, Đạt
9	Nghiên cứu định lượng chức năng tích lũy và trao đổi carbon rừng ngập mặn ở Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Việt Nam	CN	105.99-2015.17, cấp Bộ	05/5/2016 đến 13/8/2018	15/10/2018

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Belowground carbon accumulation in young Kandelia candel (L.) Blanco plantations in Thai Binh River Mouth, Northern Vietnam	6	Có	International Journal of Ecology & Development (ISSN 0972-9984 (Print); ISSN 0973-7308 (Online))	Scopus - Scopus	18	12, 1, 107-117	10/2009
2	Allometric Relations for Young Kandelia candel (L.)	2	Có	Journal of Biological Sciences (ISSN 1727-3048)	Scopus - Scopus	17	7, 3, 539-543	07/2007

	Blanco Plantation in Northern Vietnam							
3	Nghiên cứu khả năng thích ứng của Hệ sinh thái Rừng ngập mặn vùng ven biển dưới tác động của nước biển dâng nghiên cứu ở Đồng bằng sông Hồng	2	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)			37, 45-52	06/2012
4	Nghiên cứu chức năng và dịch vụ của rừng ngập mặn trồng xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng	2	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)			44, 134-138	03/2014
5	Mô hình mô phỏng diễn biến rừng ngập mặn ven biển Thái Bình dưới biến động của các yếu tố môi trường và nước biển dâng	2	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)			46, 41-48	09/2014
6	Nghiên cứu tính chất nước thải xám của nhà cao tầng trên địa bàn thành phố Hà Nội	3	Không	Tạp chí Môi trường đô thị Việt Nam			10 (94), 22-26	11/2014

7	Below ground carbon accumulation of mangrove forest in Northern Vietnam	2	Có	Proceedings of International Conference on Regional Carbon Budgets			223-228	08/2006
8	Production function of planted mangrove forest in Red River Delta	2	Có	First International Seminar of JSPS Core-to-Core Program: Collaborative Project for Soil and Water Conservation in Sountheast Asia Watersheds			62-67	08/2012
9	Assessment of the change of mangrove forest in Hung Yen District (Quang Ninh Province) in 1965-1993 period by GIS method	2	Không	Proceedings of National Workshop: Sustainable and Economically Efficient Utilization of Natural Resources in Mangrove Ecosystem (Agriculture Publishing House, Publish Licence No. 98/1354)			16-22	11/1998
10	Bước đầu đánh giá lợi ích kinh tế sinh thái của việc bảo tồn và khôi phục và bảo tồn rừng ngập mặn ở hai tỉnh	8	Không	Báo cáo khoa học Hội nghị sinh học Quốc gia: Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong sinh học (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia			614-620	08/2000

	Nam Định và Thái Bình			Hà Nội, Số xuất bản: 2/400/CXB)				
11	Mangrove vegetation communities in Thuy Truong Commune, Thai Thuy, Thai Binh: A Preliminary Study	1	Có	Proceedings of EP-DRC/MERC Project Scientific Workshop: Biodiversity, Socio-Economics and Awareness Raising in rehabilitated Mangrove Areas of Thai Binh and Nam Dinh Provinces			116-121	12/2001
12	Preliminary results of Environmental Education and Propagation in the four coastal Secondary Schools of Nam Dinh and Thai Binh Province	2	Không	Proceedings of EP-DRC/MERC Project Scientific Workshop: Biodiversity, Socio-Economics and Awareness Raising in rehabilitated Mangrove Areas of Thai Binh and Nam Dinh Provinces			184-191	12/2001
13	Effects of mangrove planting on natural environment and socio-economy in coastal area of Northern Vietnam	4	Không	Proceedings of National Workshop: Evaluation of Effects of Mangrove Reforestation on the Environment and Coastal Local life in JRC Funded Project Areas (Agriculture Publishing House,			5-12	01/2003

				Publish Licence No. 47/1773)				
14	Study on phytosociology in the mangrove area of the Thuy Truong Commune, Thai Thuy District, Thai Binh Province	3	Có	Mangrove Ecosystem in the Red River Coastal Zone: Biodiversity, Ecology, Socio-economics, Management and Education (Agricultural Publishing House. Publishing license No 72/264 XB-QLXB)			57-69	03/2004
15	The application of GIS to the management of mangrove plantations at Giao Thuy District	1	Có	Mangrove Ecosystem in the Red River Coastal Zone: Biodiversity, Ecology, Socio-economics, Management and Education (Agricultural Publishing House. Publishing license No 72/264 XB-QLXB)			347-353	03/2004
16	Socio-economic study of the protection and management of rehabilitated mangroves in Thai Binh and	4	Không	Mangrove Ecosystem in the Red River Coastal Zone: Biodiversity, Ecology, Socio-economics, Management and Education			405-411	03/2004

	Nam Dinh Provinces			(Agricultural Publishing House. Publishing license No 72/264 XB-QLXB)				
17	Some propaganda and education activities of the exhibition programme "For the green of mangroves"	10	Không	Mangrove Ecosystem in the Red River Coastal Zone: Biodiversity, Ecology, Socio-economics, Management and Education (Agricultural Publishing House. Publishing license No 72/264 XB-QLXB)			443-451	03/2004
18	Tình hình phục hồi và quản lý rừng ngập mặn ở một số tỉnh miền bắc Việt Nam	13	Có	Tuyển tập Hội thảo Quốc gia: Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới phát triển bền vững (Nhà xuất bản Nông nghiệp. Số xuất bản: 13/QĐ-NN)			101-117	03/2008
19	Hiện trạng phục hồi và quản lý rừng ngập mặn ở một số tỉnh miền nam Việt Nam	6	Có	Tuyển tập Hội thảo Quốc gia: Phục hồi rừng ngập mặn ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới phát triển bền vững (Nhà xuất bản Nông nghiệp. Số xuất bản: 13/QĐ-NN)			129-139	03/2008

20	Đánh giá vai trò của rừng ngập mặn đối với nguồn lợi hải sản và nghề cá biển	4	Không	Tuyển tập Hội thảo Quốc gia: Phục hồi và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu			61-71	11/2010
21	Những thay đổi to lớn về kinh tế, tài nguyên và môi trường từ hiệu quả trồng rừng ngập mặn ở xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	3	Không	Tuyển tập Hội thảo Quốc gia: Phục hồi và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu			72-78	11/2010
22	Thích ứng của hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng ven biển dưới tác động của nước biển dâng: Nghiên cứu ở đồng bằng sông Hồng	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, số xuất bản: 248/QĐXB-NXBKHKT)			439-447	12/2011
23	Nghiên cứu khả năng hấp thụ năng lượng sóng của rừng ngập mặn trồng tại Nam Định và Thái Bình	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Nâng cao sức chống chịu trước biến đổi khí hậu (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Quyết định xuất bản số 165/QĐXB-NXBKHKT)			127-139	08/2013

24	Nghiên cứu xử lý amoni trong nước thải xám bằng phương pháp xếp lớp đa tầng (MSL)	4	Không	Hội nghị Khoa học thường niên - Trường Đại học Thủy lợi năm 2014. Nhà xuất bản Xây dựng (ISBN: 978- 604-82-1388-6).			301-303	11/2014
Sau khi được công nhận PGS/TS								
25	Production function of planted mangrove in Thanh Phu Natural Reserve, Mekong Delta, Vietnam	2	Có	Journal of Coastal Research	SCIE - SCIE IF: (0.854 ,Q3)	6	31, 5, 1084- 1090	09/2015
26	Modelling the Impacts of Mangrove Vegetation Structure on Wave Dissipation in BenTre Province, Vietnam, under Different Climate Change Scenarios	4	Có	Journal of Coastal Research	SCIE - SCIE IF: (0.854 ,Q3)	25	31, 2, 340-347	03/2015
27	Changes in soil characteristics anh C dynamics after mangrove clearing (Vietnam)	8	Không	Science of the Total Environment	SCIE - SCIE IF: (7.963 ,Q1)	61	593-594, 1, 654- 663	03/2017

28	Belowground carbon sequestration in a mature planted mangroves (Northern Vietnam)	7	Có	Forest Ecology and Management	SCIE - SCIE <i>IF</i> : (3.558 , <i>Q1</i>)	57	407, 1, 191-199	07/2017
29	Seasonal variability of CO2 emission from sediments in planted mangroves (Northern Vietnam)	4	Không	Estuarine, Coastal and Shelf Science	SCIE (2.929 , <i>Q1</i>) - SCIE <i>IF</i> : (2.929 , <i>Q1</i>)	20	213, 30, 28-39	08/2018
30	Stand structure and above ground biomass of <i>Kandelia obovata</i> Sheue, H.Y. Liu & J. Yong mangrove plantations in Northern, Viet Nam	2	Có	Forest Ecology and Management (Elsevier)	SCIE - SCIE <i>IF</i> : (3.558 , <i>Q1</i>)	14	483, 1, 11p	11/2020
31	Macrozoobenthic community assemblage as key indicator for mangrove restoration success in North Sumatra and Aceh, Indonesia	4	Không	The Journal of the Society for Ecological Restoration - Restoration Ecology (published by Wiley Periodicals LLC)	SCIE - SCIE <i>IF</i> : (3.404 , <i>Q1</i>)	78	13p.	12/2021

32	Required flows for aquatic ecosystems in Ma River, Vietnam	6	Không	International Journal of Environment, Agriculture and Biotechnology; Vol. 2, Issue 6 (ISSN 2456-1878)	1	2, 6, 3068-3077	12/2017
33	Nghiên cứu xử lý chất hữu cơ trong nước thải xám theo phương pháp xếp lớp đa tầng	3	Không	Tạp chí Cấp thoát nước Việt Nam (ISSN 1859-3623)		99+100, 1+2, 45-47	01/2015
34	Relationship between physico-chemical properties and organic carbon in mangrove soil of Xuan Thuy National Park, Northern Vietnam	3	Không	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)		58, 140-148	09/2017
35	Cấu trúc và sinh khối tích lũy trên mặt đất của rừng ngập mặn trồng tại vườn quốc gia Xuân Thủy	2	Không	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)		63, 32-39	12/2018
36	Ảnh hưởng của lớp màng sinh học trên bề mặt đất tới sự phát thải khí CO2 vào khí quyển từ đất	2	Không	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)		61, 3-10	06/2018

	rừng ngập mặn Vườn Quốc gia Xuân Thủy							
37	Định lượng khí CO2 phát thải từ môi trường nước rừng ngập mặn vào khí quyển	2	Không	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)			68, 120-127	03/2020
38	Phục hồi và quản lý rừng ngập mặn dựa vào công đồng tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	2	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941, giấy phép xuất bản: 158/GP-BVHTT)			69, 43-49	06/2020
39	Sự tham gia của các bên liên quan trong bảo tồn và phát triển bền vững rừng ngập mặn huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	2	Có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chuyên đề Biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp bền vững (ISSN 1859-4581)			167-173	11/2020
40	Đánh giá biến động hiện trạng và chất lượng rừng ngập mặn tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy bằng ảnh vệ tinh Landsat đa thời gian	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)			1/2021, 139-145	01/2021
41	Đặc điểm cấu trúc tầng cây cao của các quần xã thực vật ngập	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (ISSN 1859-3828)			3, 41-49	07/2021

	mẫn tai Vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định							
42	Carbon xanh trong hệ sinh thái rừng ngập mặn tại khu vực vườn quốc gia Xuân Thủy	2	Không	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941)			79, 46-51	06/2022
43	Đánh giá khả năng xử lý kim loại nặng Pb ²⁺ , Cd ²⁺ bằng vật liệu nano Fe-Mn/AC	3	Có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Môi trường và chăn nuôi (ISSN 1859-4581)			91-100	07/2022
44	Đánh giá khả năng xử lý nguồn nước giàu chất hữu cơ dễ hòa tan của một số chủng vi sinh vật - vi tảo kết hợp vật liệu nano Fe-Mn/AC	3	Có	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường (ISSN 0866-7806)			42, 64-75	09/2022
45	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ pH và nguồn carbon đến tăng trưởng hệ sợi đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris NBRC 9787) trong môi trường thạch	2	Không	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường (ISSN 0866-7806)			45, 12-20	03/2023

46	Sự tham gia của các bên liên quan trong quản trị rừng ngập mặn: Nghiên cứu thí điểm tại vùng ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941)			83, 52-60	03/2023
47	Thế chế và chính sách trong quản trị rừng ngập mặn ở Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN 1859-3941)			83, 104-113	03/2023
48	Innitial results of microplastics on the sediment surface in the Balat River Mouth, Northern Vietnam	6	Không	International Workshop on Marine plastic pollution in Vietnam: current situation and solutions (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, mã số 2L-152ĐH2020)			129-137	08/2020
49	Current status of mangroves in the context of climate change in Xuan Thuy National Park Buffer Zone, Nam Dinh Province, Vietnam	7	Không	Proceedings of 10th International Conference on Asian and Pacific Coasts (APAC 2019)			1221-1228	09/2020
50	Hệ sinh thái rừng ngập mặn phục	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia			211-220	11/2015

	hồi trong bối cảnh biến đổi khí hậu			lần thứ III: Môi trường và Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu (Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-9133-427-2, Quyết định xuất bản số 41/QĐ-KHTNCN)				
51	Hiệu quả kinh tế của rừng ngập mặn trồng tại Tân Thành, Bằng La và Đại Hợp, Thành phố Hải Phòng	1	Có	Tuyển tập báo cáo khoa học - Hội thảo Khoa học Quốc gia: Tài nguyên Thiên nhiên và tăng trưởng xanh (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, số xuất bản 2544-2015/CXBIPH/09-317/ĐHQGHN)			162-170	10/2015
52	Nghiên cứu định lượng carbon tích lũy dưới mặt đất của rừng ngập mặn trồng tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.	2	Không	Tuyển tập hội thảo thường niên - trường Đại học Thủy Lợi năm 2016. Nhà xuất bản Xây dựng (ISBN: 978-604-82-1980-2)			368-370	11/2016
53	Mangrove mitigate the impacts of climate change along tropical	1	Có	Workshop on: Integrated Water Resources Management in Mekong Basin			71-75	01/2016

	coast: case study in Mekong Delta							
54	Mangroves Restoration in Vietnam: a Sustainable Measure for Coastal Disaster Resilience	1	Có	VJST 2019: Vietnam-Japan Science and Technology Symposium - Toward Sustainable Development Proceedings (Publishing House For Science and Technology, ISBN: 978-604-91-812-6)			51-55	05/2019
55	Khảo sát sinh trưởng và phát triển của chủng vi khuẩn lam Spirulina Platensis BM trong điều kiện phòng thí nghiệm	5	Không	Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên năm 2020, Trường Đại học Thủy lợi (ISBN: 978-604-82-3869-8)			271-273	11/2020
56	Đánh giá hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định của các cặp chiết từ chủng vi khuẩn lam Spirulina Platensis BM	5	Không	Tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên năm 2020, Trường Đại học Thủy lợi (ISBN: 978-604-82-3869-8)			274-276	11/2020
57	Nghiên cứu chức năng và dịch vụ của rừng ngập mặn trồng tại vườn quốc gia	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Nghiên cứu chuyên gia, ứng dụng khoa học công nghệ trong			402-410	11/2021

	Xuân Thủy - Nam Định			sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ)				
58	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mùa khô trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải và khả năng xử lý ứng dụng công nghệ xanh	3	Có	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ)			411-423	11/2021
59	Bước đầu tìm hiểu về sự phân bố và đặc điểm của vi nhựa trong lớp trầm tích bề mặt vùng cửa sông Ba Lạt, miền Bắc, Việt Nam	2	Không	Ô nhiễm vi nhựa: Nghiên cứu điển hình tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế (Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, ISBN 978-604-76-2379-2, Quyết định xuất bản 20 LK/QĐ-XBGT)			2, 12-19	03/2021
60	Chuẩn hóa quy trình phân tích hạt vi nhựa trong mẫu trầm tích bề mặt	2	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Kết quả, định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay (trường			19-25	05/2022

				Đại học Khánh Hòa)				
61	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế và khả năng thích ứng của người dân tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Kết quả, định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay (trường Đại học Khánh Hòa)			294-305	05/2022
62	Nghiên cứu đánh giá nhận thức và mức độ quan tâm đến rừng ngập mặn của cộng đồng xã Thạch Môn, Thành phố Hà Tĩnh	2	Có	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Kết quả, định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay (trường Đại học Khánh Hòa)			325-334	05/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([25] [26] [28] [30])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi được công nhận PGS/TS					

1	"Quy trình nuôi trồng Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris NBRC 9787) hữu cơ bằng môi trường bổ sung sinh khối vi khuẩn lam (Spirulina platensis BM) và chuỗi tiêu hồng (Musa paradisiaca L.)" Đây là quy trình nuôi trồng Đông trùng hạ thảo được thực hiện trên cơ sở kết hợp nhịp nhàng giữa giải pháp Thủy lợi (kỹ thuật tưới công nghệ cao – tưới phun sương) và Công nghệ sinh học (kỹ thuật và nguyên liệu) để tạo ra môi trường tối ưu cho sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao.	Cục Sở hữu trí tuệ	22/06/2023	Nguyễn Thị Kim Cúc/Đặng Diễm Hồng, Hoàng Thị Lan, Đỗ Hải Lan	4
---	--	--------------------	------------	--	---

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Khung chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ	Chủ trì	3549/QĐ-TĐHTL ngày 03/11/2016; 3303/QĐ-BGDĐT ngày 08/9/2017	Trường Đại học Thủy lợi	549/QĐ-ĐHTL ngày 03/4/2017; 1629/QĐ-ĐHTL ngày 08/8/2019; 1840/QĐ-ĐHTL ngày 06/11/2020	ngành Công nghệ sinh học

2	Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ - ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước	Tham gia	897/QĐ-ĐHTL; 26/7/2012	Trường Đại học Thủy lợi	1739/QĐ-TĐHTL; 25/9/2013	ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước
3	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước	Tham gia	897/QĐ-ĐHTL; 26/7/2012	Trường Đại học Thủy lợi	1861/QĐ-ĐHTL ngày 21/11/2014; 2178/QĐ-ĐHTL ngày 17/10/2017	ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Thành phố Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm
2023**

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**